TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Diễm Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Tô Thị Bích N** – sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn*: Anh **Phạm Duy T** – sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 16/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ruột của anh T. Sống chung được 06 năm thì giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường nhậu nhẹt, ham chơi, không lo phụ giúp gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc. Chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án năm 2015 nhưng rút đơn vì muốn anh T có cơ hội sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 3/2018. Hiện nay, chị đang sống tại nhà cha mẹ ruột. Vì vậy, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án

cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân giữa chị và anh T có 02 con chung tên Phạm Duy Ng – sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Khánh N – sinh ngày 09/11/2014. Cháu Ng đang ở cùng anh T, cháu N đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị nuôi dưỡng. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Duy T nhưng anh T không đến Toà án. Tòa án tiến hành lấy lời khai, anh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị N nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: giữa anh và chị N có 02 con chung tên Phạm Duy Ng – sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Khánh N – sinh ngày 09/11/2014. Cháu Ng đang ở cùng anh, cháu N đang ở cùng chị N.

* Cháu Phạm Duy Ng có đơn trình bày nguyện vọng: cháu là con của ba Tâm và mẹ Nhi, từ nhỏ cháu đã sống cùng ba, nay ba mẹ xin ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng ba.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Phạm Duy T nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Bích N. Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Ng cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tô Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Duy T. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ

lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị N đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung, giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, do anh T ham chơi, không chăm lo gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị N đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Hiện nay giữa chị và anh T không còn sống chung, không còn tình cảm nhưng anh T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: hôn nhân phải hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện yêu thương tin tưởng lẫn nhau. Anh T không quan tâm, chăm lo gia đình không làm tròn nghĩa vụ của mình với gia đình là một trong các nguyên nhân dân đến tình trạng ly hôn phổ biến hiện nay. Vì vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị N và anh T có 02 con chung tên Phạm Duy Ng – sinh ngày 03/4/2008 và Phạm Khánh N – sinh ngày 09/11/2014. Cháu Ng đang ở cùng Tâm, cháu N đang ở cùng chị N. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị, giao cháu Ng cho anh T tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung trong thời gian hôn nhân do cha mẹ cùng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T và chị N có 02 con chung. Cháu Ng có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về phần con chung. Giao cháu N cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Ng cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Tô Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Tô Thị Bích N được ly hôn với anh Phạm Duy T.

* Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh N – sinh ngày 09/11/2014 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Duy Ng – sinh ngày 03/4/2008 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các bên đương sự không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Chị Tô Thị Bích N phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0007398 ngày 23/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị N đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. Tuy An (2);
- THADS h. Tuy An (1);
- Nguyên đơn, Bị đơn (2);
- UBND xã H, huyện A (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)